

Bản án số: 56/2022/HS-PT
Ngày: 02-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán:

Ông Đào Chí Keo

Ông Hoàng Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Năng-Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 114/2022/TLPT-HS ngày 06 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn Nh do có kháng cáo của bị cáo Nh; đại diện bị hại bà Nguyễn Thị Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang;

Lê Văn Nh, nơi sinh tại huyện TS, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp VT, xã VTr, huyện TS, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S và bà Hà Thị Ng; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2021 cho đến nay; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Văn Ch, sinh năm: 1950 (chết); nơi cư trú: Ấp C, Xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955; nơi cư trú: Ấp C, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang; (có mặt)

Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp C, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị Đ theo văn bản ủy quyền lập ngày 01/8/2022; (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Văn C, sinh năm 1999; nơi cư trú: Ấp VT, xã VTr, huyện TS, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

2. Lê Văn S, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp VT, xã VTr, huyện TS, tỉnh An Giang; (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Quốc H1, sinh năm 2000; (vắng mặt)
2. Bùi Văn Nh, sinh năm 1991; (vắng mặt)
3. Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1997; (vắng mặt)
4. Nguyễn Tấn H3, sinh năm 1983; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 11/12/2020, Lê Văn Nh điều khiển xe mô tô biển số 67M1-681.57, trong tình trạng nồng độ cồn (1,54g/l máu) và chở theo Trần Văn C lưu thông trên đường tỉnh lộ 943 theo hướng Long Xuyên - Thoại Sơn. Khi Nh điều khiển xe qua khỏi trụ điện số 473-471TS/293 thuộc ấp PA, thị trấn PH, huyện TS, Nh không làm chủ tay lái để xe lán sang phần đường phía bên trái, va chạm với xe mô tô biển số 67M3-0673 do Trần Văn Ch điều khiển, làm Ch ngã xuống đường chết tại hiện trường, còn Nh, C được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang cấp cứu, sau đó Nh được chuyển đến Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình thành phố Hồ Chí Minh điều trị với các vết thương nứt sọ trán trái, vỡ xoang trán, xoang sàng, xoang hàm hai bên, gãy vách ngăn mũi đến ngày 23/12/2020 thì xuất viện.

* Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 67M3-0673, xe mô tô 67M1-681.57 và hai bản ảnh. Ngày 08/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS trả lại xe mô tô 67M3-0673 cho đại diện hợp pháp bị hại Nguyễn Thị Đ. (Bút lục số 55 - 56, 134 - 135, 195)

* Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 11/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS, ghi nhận như sau:

- Hiện trường xảy ra trên đường tỉnh lộ 943, đoạn đường thẳng, hai chiều có vạch kẻ đường dạng vạch đơn, đứt nét; không có biển báo giao thông, chướng ngại vật, tầm nhìn không bị che khuất. Mặt đường rộng 14,6m, trải nhựa phẳng, hướng Thoại Sơn - Long Xuyên rộng 7,3m. Chôn trụ điện số 473-471TS/293 làm điểm mốc, lấy lề đường bên phải hướng Thoại - Long Xuyên làm lề chuẩn.

- Vị trí số 1: Vết bụi nhót màu đen, nhiều mảnh kim loại li ti màu trắng, cách lề đường 03m, cách đầu vết trượt nhót vị trí số ba và vị trí số hai 2,3m.

- Vị trí số 2: Vết nhót kích thước (2,5x1,7)m, cách lề đường 02m; cách đầu vết trượt vị trí số ba 01m, cách đầu vết cày vị trí số bốn 1,5m.

- Vị trí số 3: Vết trượt dầu nhót dài 13m, rộng 0,4m, đầu vết trượt cách lề đường 2,9m. Trên vết trượt có vết cày đứt quãng không liên tục kích thước (13,5 x 0,2)m, đầu vết cày cách lề đường 2,9m.

- Vị trí số 4: Vết cày dài 2,15m, đầu vết cày cách lề đường 1,2m, đuôi vết cày cách lề đường 0,35m.

- Vị trí số 5: Xe mô tô biển số 67M3 - 0673 ngã nằm nghiêng sang phải. Trục bánh xe trước cách lề đường 0,8m; trục bánh xe sau cách lề đường 1,1m, cách đầu nạn nhân Ch 5,4m và cách trục bánh xe sau xe mô tô biển số 67M1-681.57 8,15m.

- Vị trí số 6: Vết cày không liên tục dài 5,9m, đầu vết cày cách lề đường 3,6m.

- Vị trí số 7: Nạn nhân Ch nằm ngửa, đầu cách lề đường 0,2m, tâm hai chân cách lề đường 0,35m.

- Vị trí số 8: Vết màu nâu kích thước (0,7 x 0,4)m, tâm vết máu cách lề đường 1,8m.

- Vị trí số 9: Xe mô tô biển số 67M1-681.57 ngã nghiêng sang trái. Trục bánh xe trước cách lề đường 4,8m; trục bánh xe sau cách lề đường 3,8m.

* Biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 11/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS ghi nhận:

- Đối với xe mô tô biển số 67M3-0673:

Toàn bộ tay cầm bên trái, cụm đèn phía trước và đồng hồ bị gãy, bể vỡ hoàn toàn. Tay cầm bên phải bị cong vênh, biến dạng từ trước ra sau. Toàn bộ mặt nạ xe bị bể vỡ; chấn bunn trước và phuộc bánh xe trước bị gãy, rơi khỏi vị trí ban đầu.

Cánh yếm bên trái bể vỡ hoàn toàn rơi khỏi vị trí ban đầu. Mặc ngoài bên trái đầu quy lát bị bể vỡ kích thước (0,9 x 0,4)m. Nắp máy trái bị bể vỡ kích thước (0,17 x 0,13)m. Toàn bộ phần ốp lưng hông xe bên trái bị bể vỡ hoàn toàn rơi khỏi vị trí ban đầu. Cần đạp số, gác chân trước bên trái cong vênh, biến dạng từ trước ra sau.

Gác chân sau bên trái bị gãy rơi khỏi vị trí ban đầu. Ốp ống yếm, ốp sườn bên phải và cốp phải bị bể vỡ rơi ra khỏi vị trí ban đầu. Đầu gác chân trước bên phải có vết màu mòn nhựa kích thước (0,015 x 0,01)m. Đầu ốp chống nóng bộ phận giảm thanh bị trầy xước kim loại kích thước (0,05 x 0,012)m từ sau ra trước. Gác chân bên phải bị cong từ sau ra trước, đầu gác chân có vết mài mòn nhựa kích thước (0,02 x 0,005)m. Mặc ngoài bên phải khung dựng xe có vết trầy xước mài mòn kim loại kích thước (0,22 x 0,03)cm từ sau ra trước.

- Đối với xe mô tô biển số 67M1-681.57:

Ốp nhựa nắp trước tay lái bị bể vỡ kích thước (0,21 x 0,19)m. Mặt trước chân gương chiếu hậu bên phải có vết trầy xước kim loại từ trước ra sau kích thước (0,03 x 0,18)m. Đầu tay cầm bên trái có vết mài mòn, trầy xước kim loại từ trước ra sau kích thước (0,02 x 0,1)m. Mặt trước đầu tay côn có vết mài mòn kim loại kích thước (0,012 x 0,012)m từ trước ra sau. Mặt trước đuôi tay côn có vết mài mòn kim loại từ trước ra sau kích thước (0,03 x 0,013)m.

Mặt nạ trước bị gãy chột vênh ra khỏi vị trí, bên trái bị bể vỡ kích thước (0,11 x 0,255)m. Ốp nhựa đèn tín hiệu bên trái có vết trầy xước từ trước ra sau kích thước (0,14 x 0,03)m. Cánh yếm hai bên xe bị bể vỡ, gãy chột rơi ra khỏi vị trí ban đầu. Cần đạp số và gác chân trước bên trái cong vênh từ trước ra sau, mặt

trước gác chân trước bên trái có vết mài mòn kim loại từ trước ra sau kích thước (0,125 x 0,02)m. Mặc ngoài bên trái kết nước biến dạng từ ngoài vào trong kích thước (0,04 x 0,02)m.

Đầu chắn bùn trước bên trái có vết trầy xước kích thước (0,08 x 0,02)m từ sau ra trước. Niền bánh xe trước bên trái bị bể vỡ kích thước (0,4m x 0,03). Ốp lưng nhựa hông xe bên trái có vết mài mòn từ trước ra sau kích thước (0,08 x 0,013)m. Đầu thanh kim loại chống đỡ có vết mài mòn kích thước (0,025 x 0,02)m bị cong từ trước ra sau. Đầu gác chân sau bên trái có vết mài mòn kim loại kích thước (0,008 x 0,003)m. Mặc ngoài đuôi gác chân sau bên trái có vết mài mòn kim loại từ trước ra sau kích thước (0,009 x 0,009)m.

* Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 187/KLGT-PC09 (PYTT) ngày 14/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, đối với Trần Văn Ch, sinh năm 1950, xác định như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: Lỗ tai phải, hai lỗ mũi và miệng chảy dịch máu; vết rách da cung mày trái, kích thước (6x3.5)cm, bờ mép nham nhở, lộ xương hộp sọ; sây sát da rải rác từ vùng thái dương trái đến vùng mặt bên trái; bầm tụ máu dưới da, cơ vùng trán - thái dương trái; vỡ, nứt xương hộp sọ phức tạp vùng thái dương trái, kích thước (10x5)cm.

Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não (Bút lục số 76 - 77)

* Phiếu kết quả xét nghiệm ngày 15/12/2020 của Khoa Xét nghiệm - Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang, ghi nhận: Nồng độ cồn trong máu của Lê Văn Nh là 1,54 g/l. (Bút lục số 146)

* Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 11/12/2020 của Công an huyện TS, ghi nhận: Xe mô tô nhãn hiệu PLAZIX, biển số 67M3-0673 chủ xe tên Nguyễn Thị Phương D. (bút lục số 28).

* Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 11/12/2020 của Công an huyện TS, ghi nhận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 67M1-681.57 chủ xe tên Lê Văn Nh.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSTS ngày 12 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS đã truy tố bị cáo Lê Văn Nh về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Nh phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”

Xử phạt bị cáo: Lê Văn Nh: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng : Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại xe mô tô biển kiểm soát số 67M1- 681.57, nhãn hiệu Honda Winner X, màu đen bạc vàng đồng, số máy KC34E1035199, số khung 3710KY016297 (đã qua sử dụng) cho Lê Văn Nh.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang quản lý theo Biên bản giao nhận, vật chứng ngày 20 tháng 04 năm 2022).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 590, Bộ luật dân sự.

Bị cáo Lê Văn Nh có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) do bà Nguyễn Thị Đ đại diện nhận.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/5/2022, bị cáo Lê Văn Nh kháng cáo cho rằng mức án phạt quá nặng, xin xem xét hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, xin hưởng án treo;

Ngày 10/5/2022, đại diện cho bị hại bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt và tăng tiền bồi thường;

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo Nh thừa nhận hành vi phạm tội của mình; cấp sơ thẩm xử bị cáo là đúng người đúng tội; nhưng mức án quá nặng xin xem xét hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo; đồng ý bồi thường thêm 20.000.000đ tiền tổn thất tinh thần cho theo yêu cầu của bị hại;

Đại diện theo ủy quyền của bị hại, yêu cầu bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần 20.000.000đ; về hình phạt xem xét theo quy định pháp luật;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Về thủ tục kháng cáo của bị cáo N, của đại diện bị hại là hợp lệ, đúng hạn, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

Về nội dung kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; xét về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, thì thấy cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự; cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo xin hưởng án treo là không đủ điều kiện để cho hưởng án treo; cần có thời gian cách ly bị cáo với xã hội, mới đủ răn đe phòng chống tội phạm;

Ở giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã tỏ rõ ăn năn, hối hận nên chủ động bồi thường đủ số tiền 23.000.000đ cho gia đình bị hại, mà cấp sơ thẩm tuyên buộc; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần theo yêu cầu của gia đình bị hại số tiền 20.000.000đ, đây là tình tiết mới phát sinh nên có xem xét cho bị cáo; có thể xem xét giảm cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù;

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; xử phạt bị cáo Lê Văn Nh từ 02 năm đến 2 năm 03 tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; công nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường thêm số tiền tổn thất tinh thần 20.000.000đ cho gia đình bị hại; các phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ y;

Tranh luận:

Bị cáo: Xin xem xét hoàn cảnh khó khăn, Ba bị cáo bệnh nặng, bị cáo lao động chính gia đình; đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại; mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng án treo để tạo điều kiện ở bên ngoài, đi làm kiếm tiền trả nợ số tiền bồi thường cho bị hại; bản thân bị cáo cũng bị thương rất nặng phải điều trị lâu dài;

Viện kiểm sát: Vẫn giữ nguyên quan điểm đã phát biểu; bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo;

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, để có điều kiện đi làm có tiền trả nợ khắc phục hậu quả; Ba bị cáo bệnh nặng, bị cáo lao động chính trong gia đình lo cho cuộc sống;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị cáo Nh, đại diện bị hại trong thời hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm;

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; tuy nhiên những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử; căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt theo thủ tục chung;

[3] Bị cáo Nh thừa nhận hành vi phạm tội, cho rằng cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng người, đúng tội; chỉ xin xem xét hoàn cảnh gia đình, giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo; lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ khác như: Lời khai đại diện bị hại, người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ tài liệu khác; biên bản khám nghiệm hiện trường; Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 187/KLGT-PC09 (PYTT) ngày 14/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, đối với Trần Văn Ch, sinh năm 1950; nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não (Bút lục số 76 - 77);

[4] Xét thấy, Bị cáo Nh tham gia giao thông đường bộ điều khiển xe mô tô Biển số 67M1-681.57 trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu có nồng độ cồn 1,54g/l là vượt quá giới hạn cho phép là đã vi phạm Điều 35 Luật phòng

chống tác hại của rượu bia và Điều 9 Luật Giao thông đường bộ; đã đụng vào xe đang lưu thông ngược chiều, gây tai nạn dẫn đến hậu quả gây tử vong cho bị hại ông Trần Văn Ch; hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, là có căn cứ, đúng pháp luật;

[5] Xét yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo thì thấy, Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình; Bị cáo biết khi tham gia giao thông không được sử dụng chất có nồng độ cồn vượt mức cho phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn vi phạm;

Cấp sơ thẩm khi xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Tự nguyện sửa chữa, bồi thường cho bị hại; tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bản thân bị cáo cũng bị thương tật nặng (các vết thương nứt sọ trán trái, vỡ xoang trán, xoang hàm hai bên, gãy vách ngăn mũi); bị cáo đã hoàn thành xong nghĩa vụ quân sự 2 năm; các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật và xét xử bị cáo 02 năm 06 tháng tù, mức án dưới khung hình phạt là có xem xét khoan hồng cho bị cáo;

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, tình hình về an toàn trật tự giao thông đường bộ hiện nay đáng báo động, nhất là tai nạn giao thông khi lưu thông trên đường bộ, phần lớn đều không tuân thủ đúng quy định của Luật Giao thông đường bộ, có rượu bia nồng độ cồn vượt mức cho phép; phần lớn do lỗi chủ quan của người tham gia giao thông, thiếu ý thức, nhận thức và chấp hành pháp luật kém, bất chấp các quy định về an toàn giao thông; xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác khi cùng tham gia giao thông; dẫn đến các tai nạn giao thông đáng tiếc xảy ra. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với loại tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, mới đủ tác dụng, răn đe phòng ngừa chung về an toàn trật tự giao thông hiện nay diễn ra rất phức tạp; do đó yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa;

Tuy nhiên, sau khi xét xử Bị cáo Nh đã chủ động bồi thường thiệt hại đủ số tiền 23.000.000đ cho gia đình bị hại, như cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bồi thường; tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện gia đình bị hại yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần 20.000.000đ và bị cáo cũng đồng ý theo yêu cầu của đại diện bị hại; đây là tình tiết mới phát sinh; nên có cơ sở để Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo giảm cho bị cáo 06 tháng tù; xử phạt bị cáo 02 năm tù cũng đủ giáo dục, răn đe bị cáo, như đề nghị của Viện kiểm sát là đồng quan điểm với Hội đồng xét xử;

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của đại diện bị hại tăng tiền bồi thường thiệt hại và tăng hình phạt thì thấy, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị hại yêu cầu bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần 20.000.000đ và yêu cầu này được bị cáo chấp nhận, nên được Hội đồng xét xử công nhận sự nguyện của các bên; còn về hình phạt gia đình bị hại chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo pháp luật, nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận, cân nhắc thảo luận khi nghị án;

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn Nh về việc xin được giảm nhẹ hình phạt;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của đại diện bị hại bà Nguyễn Thị Đ về việc tăng mức tiền bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

[1] Tuyên bố bị cáo Lê Văn Nh phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

Xử phạt: Lê Văn Nh: 02 (Hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án ;

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

[2] Về xử lý vật chứng : Trả lại xe mô tô biển kiểm soát số 67M1- 681.57, nhãn hiệu Honda Winner X, màu đen bạc vàng đồng, số máy KC34E1035199, số khung 3710KY016297 (đã qua sử dụng) cho Lê Văn Nh.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang quản lý theo Biên bản giao nhận, vật chứng ngày 20 tháng 04 năm 2022).

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 590, Bộ luật dân sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn Nh có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) do bà Nguyễn Thị Đ đại diện nhận (Bà Nguyễn Thị Đ đã nhận xong theo biên nhận ngày 09/5/2022);

Công nhận sự tự nguyện của các bên: Bị cáo Lê Văn Nh bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) cho bị hại do bà Nguyễn Thị Đ đại diện nhận tiền;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Bị cáo Lê Văn Nh phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.150.000đ (*Một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn Nh không phải chịu.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện (2);
- Công an huyện (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Đại diện bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn